

Bản án số: 69/2022/HS-ST

Ngày 22 - 8 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang;
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Tuấn, Kiểm sát viên;

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang T, sinh năm 1996, tại huyện T, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1961 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2015/HSST ngày 27/11/2015 Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong án phí ngày 10/3/2016); hiện tại bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: 1. Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1961, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963, có mặt.

- Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn A, xã A1, huyện T, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà xxx, đường Nguyễn Văn M, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quang T hiện đang chung sống cùng bố mẹ là ông Nguyễn Quang D và bà Nguyễn Thị H ở tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T. Khoảng 17 giờ ngày 02/3/2022, khi ông D ra khỏi nhà thì T bảo bà H đi chợ mua thức ăn, bà H vừa ra khỏi nhà thì T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô và bộ máy tính là tài sản riêng của ông D và bà H mục đích để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T vào tủ lấy chìa khóa xe mô tô và dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen-bạc, biển kiểm soát 98B2-029.13 ở khu vực trước cửa nhà tầng 1 để ra trước cửa nhà. T vào phòng khách tháo dây và màn hình máy tính nhãn hiệu Dell ở trên bàn, bê dây và màn hình máy tính để ở giá để hàng phía trước xe mô tô rồi điều khiển xe mô tô đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Văn C. Khi gặp anh C, T nói với anh C dây và màn hình máy tính là tài sản của T, do không còn nhu cầu sử dụng nên bán, anh Chinh đồng ý mua với giá 7.000.000 đồng và yêu cầu T viết Hợp đồng mua bán chiếc máy tính trên. Khoảng 02 ngày sau khi bán máy tính, T quay lại vay anh C 2.000.000 đồng và để chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-029.13 cho anh C để làm tin, sau đó T đi chơi khoảng 01 tuần thì chi tiêu cá nhân hết toàn bộ số tiền bán máy tính và tiền vay thì T về nhà. Khi ông D, bà H hỏi T có lấy xe mô tô và bộ máy tính không thì T không thừa nhận, nên bà H đã làm đơn trình báo Công an huyện T. Quá trình điều tra, Nguyễn Quang T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

2. Tại kết luận định giá tài sản số: 25/KL-ĐGTS ngày 22/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên kết luận:

“- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen-bạc, biển kiểm soát 98B2-029.13, xe cũ đã qua sử dụng trị giá 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

- 01 (một) bộ máy tính nhãn hiệu Dell, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng trị giá 15.554.000 đồng (Mười năm triệu, năm trăm năm mươi tư nghìn đồng).

- Tổng giá trị tài sản là 28.554.000 đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm năm mươi tư nghìn đồng)”

3. Tại bản Cáo trạng số: 62/CT-VKS ngày 27 tháng 7 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

4. Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 12 tháng đến 14 tháng tù; bị cáo phải chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm và tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Về trách nhiệm Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải trả anh Nguyễn Văn C số tiền 2.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Quang T trình bày: Bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội; bị cáo không bị oan; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử kết luận hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Về việc người tham gia tố tụng vắng mặt: Bị hại ông Nguyễn Quang D; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H1. Xét thấy họ có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt của những người trên không làm ảnh hưởng tới sự thật khách quan của vụ án, tài sản bị mất đã được nhận lại, do vậy không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của họ, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quang T thành khẩn khai báo, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02/3/2022, bị cáo Nguyễn Quang T đã lợi dụng việc ông Nguyễn Quang D và bà Nguyễn Thị H không có mặt ở nhà, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ông D và bà H chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen-bạc, biển kiểm soát 98B2-029.13; 01 cây và 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Dell, tổng giá trị tài sản thời điểm bị cáo chiếm đoạt là 28.554.000 đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm năm mươi tư nghìn đồng). Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Quang T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo Nguyễn Quang T là người có nhân thân rất xấu, bị cáo đã bị xét xử 07 tháng tù cho hưởng án treo về hành vi Trộm cắp tài sản năm 2015, chấp hành án phí xong ngày 10/3/2016; lần phạm tội này bị cáo trộm cắp tài sản của chính bố mẹ bị cáo, chứng tỏ bị cáo là đối tượng lười lao động, thích hưởng thụ, rất coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Quá trình khai báo bị cáo luôn tỏ ra thành khẩn và ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp được đã trả ngay cho người bị hại, bị cáo trình bày đã tác động đến bố mẹ trả số tiền 7.000.000 đồng cho anh C. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H là mẹ bị cáo cũng là bị hại trong vụ án xác định, bị cáo không có ý kiến hay tác động đến vợ chồng bà trả số tiền 7.000.000 đồng bị cáo đã cầm máy tính cho anh C, nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội đã bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục theo điểm b khoản 1 Điều 51. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy cần phải xử phạt bị cáo cách ly ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo là đúng với tính chất, mức độ phạm tội. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, hình phạt giành cho bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử miễn phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-029.13 và 01 bộ máy tính, quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông D, bà H nên ngày 16/6/2022 Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại những tài sản trên cho ông D bà H là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra ông D, bà H đã bồi thường cho anh C số tiền 7.000.000 đồng, khoản tiền này ông D bà H không yêu cầu T phải trả cho ông bà, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với số tiền 2.000.000 đồng T cầm cố xe mô tô, anh C yêu cầu T phải trả cho anh số tiền này, tại phiên tòa T nhận sẽ có trách nhiệm trả anh C số tiền trên, cần buộc T phải trả cho anh C số tiền 2.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 48, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân Sự. Điều 6, khoản 1 Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải trả anh Nguyễn Văn số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- Người có QLNV liên quan;
- VKSND huyện Tân Yên;
- VKSND tỉnh BG;
- TAND tỉnh BG;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Sở Tư pháp BG;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huy Biên